

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **456/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/7/2026

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại Cơ sở 1 Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc *“Tranh chấp hôn nhân gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 30/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tống Huyền T**, sinh ngày 25/5/1988. Số CCCD 008188007644.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà G, ngõ A, đường T, tổ dân phố A (nay là tổ dân phố A), phường N, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*);

- Bị đơn: Anh **Đinh Công P**, sinh ngày 29/9/1986. Số CCCD 008086007660.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà G, ngõ A, đường T, tổ dân phố A (nay là tổ dân phố A), phường N, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tống Huyền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Công P được tự do tìm hiểu và quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã T, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND phường N, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 23/9/2008 (Có trích lục kết hôn số 66/2026/TLKH-BS ngày 03/3/2026 do UBND phường N cấp vì Đăng ký kết hôn anh P giữ nên chị xin Trích lục kết hôn). Anh chị được bố mẹ hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ chồng, địa chỉ: Số nhà G, ngõ A, đường T, tổ A, phường N, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng giữa năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Năm 2023 chị đi Đài Loan nên vợ chồng mỗi người một nơi, hoàn toàn không ai chăm sóc ai, bỏ mặc người kia muốn sống ra sao thì sống, những lúc chị ốm bệnh nặng nhưng không được sự quan tâm động viên chăm sóc từ anh P. Đến cuối năm 2025 chị về Việt Nam, rất nhiều lần anh em, bạn bè, người thân trong gia đình góp ý khuyên nhủ nhưng không kết quả, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài đến nay không thể khắc phục được, anh chị đã sống ly thân từ khi chị đi Đài Loan (năm 2023) cho đến nay. Nay chị nhận thấy đời sống tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu vẫn tiếp tục duy trì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, tinh thần, công việc, sức khỏe, tình cảm của mỗi bên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Công P.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đinh Hải T1, sinh ngày 23/3/2009. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, nay cháu T1 cũng đã lớn nên nếu cháu T1 có nguyện vọng ở với ai thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu T1.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đinh Công P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị và anh Đinh Công P không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng đối với anh P theo quy định nhưng anh P không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Kết quả xác minh tại Tổ trưởng tổ dân phố A, phường N thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã T, tỉnh Tuyên Quang (nay là phường N, tỉnh Tuyên Quang) và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố A, phường N, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi cưới anh chị chung sống cùng nhà với bố mẹ anh P tại tổ dân phố A, phường N, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên gần đây địa phương có nghe nói anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì chính quyền địa phương không nắm được. Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Đinh Hải T1, sinh năm 2009, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh P có tài sản chung gì không, có vay nợ ai hay cho ai vay nợ không, địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại gia đình ông Đinh Văn T2 và bà Đinh Thị N (bố mẹ đẻ của anh P) thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P được tự do tìm hiểu, sau thời gian tìm hiểu thì quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã T, tỉnh Tuyên Quang (nay là phường N, tỉnh Tuyên Quang) vào năm 2008 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi cưới anh chị Trang P1 chung sống cùng nhà ông bà (T2 - N) tại tổ dân phố A, phường N, tỉnh Tuyên Quang. Đến khoảng năm 2014 thì anh chị T - P1 chuyển lên H để làm ăn. Đến khoảng năm 2023 thì chị T sang Đài Loan để làm ăn, đến cuối năm 2025 thì chị T trở về nước. Khi chị T về nước, anh chị T - P1 vẫn vui vẻ bình thường nhưng lại ăn riêng. Ông bà đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là gì thì ông bà không nắm được, ông bà chỉ được nghe nói là chị T đi làm ăn xa có mối quan hệ ngoài luồng. Nay chị T khởi kiện ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh P1 có 01 con chung là cháu Đinh Hải T1, sinh năm 2009. Nay cháu T1 đã gần 18 tuổi nên nếu cháu T1 có nguyện vọng muốn ở với ai sau khi bố mẹ ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T và anh P1 không có tài sản chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về vay nợ chung: Chị T và anh P1 có vay nợ ai và cho ai vay nợ không thì ông bà không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tống Huyền T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tống Huyền T được ly hôn anh Đinh Công P.

+ Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Đinh Hải T1, sinh ngày 23/3/2009. Hiện nay cháu T1 đã 17 tuổi, cháu không đi học (học hết lớp 9 đã nghỉ học). Cháu T1 có nguyện vọng nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu muốn được ở với bố. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng anh P không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai thể hiện ý kiến của anh P về giải quyết các mối quan hệ trong vụ án, chị T có yêu cầu đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T1 hiện nay chưa đủ tuổi trưởng thành, cần có người chăm sóc, giáo dục, bảo ban thường xuyên do đó việc giao cháu T1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

+ Về tài sản chung: Chị Tống Huyền T và anh Đinh Công P không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về vay nợ chung: Chị T và anh P không vay nợ ai, không cho ai vay nợ không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về án phí: Chị Tống Huyền T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh Đinh Công P không phải chịu án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Tống Huyền T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung với anh Đinh Công P. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp hôn nhân gia đình* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Đinh Công P đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường N, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Nguyên đơn chị Tống Huyền T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đinh Công P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Huyền T và anh Đinh Công P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã T, tỉnh Tuyên Quang (nay là phường N, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 23/9/2008, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị T - P chung sống tại Tổ dân phố A, phường N, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng giữa năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T xác định là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Bản thân chị T xác định đời sống tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã quyết định xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhưng anh P không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh P không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T là chính đáng và có căn cứ nên cần chấp nhận. Xử cho chị Tống Huyền T được ly hôn với anh Đinh Công P là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Tống Huyền T và anh Đinh Công P có 01 con chung là cháu: Đinh Hải T1 sinh ngày 23/3/2009.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Đinh Hải T1 theo quy

định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu T1 có nguyện vọng được ở với anh P. Tuy nhiên, nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên là một trong những căn cứ để Tòa án xem xét khi quyết định người trực tiếp nuôi con, nhưng không phải là căn cứ duy nhất để quyết định. Đối với anh P, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng, nhưng anh P không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh P về giải quyết các mối quan hệ trong vụ án, điều đó thể hiện anh P không có thiện chí hợp tác, gây khó khăn cho Tòa án khi giải quyết vụ án.

Xét, cháu T1 tuy đã sắp đến tuổi trưởng thành và có nguyện vọng được ở với anh P nhưng vẫn cần phải có người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng để bảo đảm quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao cháu Đình Hải T1 sinh ngày 23/3/2009 cho chị Tống Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Chị Tống Huyền T và anh Đình Công P không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về công nợ chung: Chị Tống Huyền T và anh Đình Công P không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh P không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tống Huyền T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tống Huyền T được ly hôn anh Đình Công P (*Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 23/9/2008 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã T, tỉnh Tuyên Quang nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Tuyên Quang*). Quan hệ hôn nhân giữa chị Tống Huyền T và anh Đình Công P chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đình Hải T1, sinh ngày 23/3/2009 cho chị Tống Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đình Công P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Tống Huyền T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0000492 ngày 17/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Tống Huyền T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đình Công P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Ủy ban nhân dân phường Nông Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Thanh Sơn

